

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /12/2022 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án “Sản xuất màng nhôm điện hóa kỹ thuật cao” của Công ty TNHH Vũ Sư - Nam Liên (đơn vị thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần Nam Liên).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung trên đường N3, phía Nam dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại 01 điểm xả vào hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung trên đường N3, phía Nam dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 0571857; Y(m) = 2262887.

(Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105°30'; múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý chảy ra hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($C_{max} = C \times K_f \times K_q$; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$; $C_{max} = C$ đối với các thông số: pH, coliform), cụ thể như sau:

Giới hạn giá trị thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	
			C	C _{max}
1	pH	-	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9

2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	54
3	COD	mg/l	75	81
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8
6	Clo dư	mg/l	2	2,16
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8
8	Tổng Nitơ	mg/l	40	43,2
9	Tổng phốt pho	mg/l	6	6,48
10	Phenol	mg/l	0,5	0,54
11	Sunfua	mg/l	0,5	0,54
12	Tổng Coliforms	VK/100ml	5.000	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải phát sinh tại dự án: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải khu vực nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó được thu gom bằng đường ống uPVC D140 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án “Sản xuất màng nhôm điện hóa kỹ thuật cao” của Công ty TNHH Vũ Sư - Nam Liên (đơn vị thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần Nam Liên): Dự án sử dụng chung nhà vệ sinh với Công ty cổ phần Nam Liên và được thu gom bằng đường ống uPVC D140 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm: Nước thải → Hồ ga thu gom nước đầu vào → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hồ ga sau xử lý → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) → Hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung trên đường N3 phía Nam dự án.

- Hóa chất sử dụng: Viên nén Cloramin B khối lượng khoảng 0,6 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty sẽ chặn cửa xả đường nước thải từ hồ ga chứa nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung. Sau đó cử cán bộ kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu tại hố ga thu gom nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm trước khi thải vào hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 3 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án và nước thải sinh hoạt phát sinh từ Công ty TNHH Vũ Sư - Nam Liên đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

3.2. Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống cống thoát nước xung quanh Công ty và phối hợp với Ban quản lý các KCN thực hiện các hoạt động liên quan để đảm bảo việc tiêu thoát nước của KCN Mỹ Trung.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc để kịp thời xử lý./.